

RIDDLES OF ETHNIC MINORITIES IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION, UNIQUE FEATURES OF RIDDLE METHODS AND FOLKLORE PERFORMANCE ENVIRONMENT

Leng Thi Lan

TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 27/4/2022 Revised: 30/5/2022 Published: 30/5/2022	Riddle is a very unique kind of folklore activities that have existed for a long time. There are a number of studies on riddles. The similarities of those researches have pointed out that riddles aim to entertain and help people learn about the world around them. Aiming to study the unique feature of composition methods, as well as to point out the needs of living and enjoying riddles in cultural life of ethnic minorities in the Northern mountainous region, we mainly used such methods as statistics, analysis, comparison, interdisciplinary. The results showed that riddles method and folklore performance environment reflected a vivid, unique and diverse picture of the landscape, people and things of the ethnic minorities. Thereby, it contributes to exploiting and preserving the folklore capital of the northern mountainous ethnic groups in general and the riddles genre in particular.
KEYWORDS Riddles Ethnic riddles Northern mountainous Riddles method Folklore performance environment	

CÂU ĐỐ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC, ĐỘC ĐÁO PHƯƠNG THỨC RA ĐỐ VÀ MÔI TRƯỜNG DIỄN XƯỞNG

Lèng Thị Lan

Trường Đại học Nông lâm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 27/4/2022 Ngày hoàn thiện: 30/5/2022 Ngày đăng: 30/5/2022	Câu đố là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc, được tồn tại lâu đời, phổ biến. Có nhiều nghiên cứu khác nhau về câu đố, song có thể thấy điểm chung trong các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, câu đố nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thế giới xung quanh, hướng tới mục đích giải trí của người dân lao động. Với mục đích nghiên cứu tính độc đáo ở phương thức sáng tác, đồng thời chỉ ra nhu cầu sinh hoạt, thường thức câu đố trong đời sống văn hoá dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, chúng tôi sử dụng chủ yếu các phương pháp như: thống kê, phân tích, đối chiếu so sánh, phương pháp nghiên cứu liên ngành. Kết quả cho thấy, phương thức đố và môi trường diễn xướng đã phản ánh bức tranh muôn màu về cảnh quan, con người, sự vật của đồng bào dân tộc hết sức sinh động, độc đáo và đa dạng. Qua đó, góp phần khai thác, giữ gìn vốn văn hóa dân gian của các dân tộc miền núi phía Bắc nói chung và thể loại câu đố nói riêng.
TỪ KHÓA Câu đố Câu đố dân tộc Miền núi phía Bắc Phương thức đố Môi trường diễn xướng	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5817>

Email: lengthilan@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Câu đố cùng với sinh hoạt đố và giải đố đã tồn tại lâu đời, là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc để thử trí thông minh và tài phán đoán, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thế giới xung quanh và với mục đích giải trí của người dân lao động. Tiếp cận và tìm hiểu một khối lượng câu đố phong phú ở một số địa phương miền núi phía Bắc như Điện Biên, Sơn La, Tuyên Quang, Lào Cai, Bắc Kạn, Thái Nguyên,... chúng tôi nhận thấy cùng với các thể loại khác, cho đến nay câu đố các dân tộc thiểu số vẫn đang hiện hữu và gắn bó với người dân nơi đây. Có thể kể tới các công trình sưu tầm câu đố các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đã xuất bản những năm gần đây như *Thài kôm kêm - Câu đố Thái của Hoàng Trần Nghịch* [1], *Tục ngữ câu đố dân tộc Dao của Trần Hữu Sơn* [2], *Tục ngữ, câu đố, đồng dao Mường của Bùi Thiện* [3], *Thành ngữ, tục ngữ, câu đố các dân tộc Thái, Giáy, Dao của nhiều tác giả* [4]. Trong cuốn *Văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam - những hướng tiếp cận của tác giả Nguyễn Thị Huệ* [5] đã có một phần tư liệu được tổng hợp về thể loại câu đố Bắc Kạn và thể loại câu đố Điện Biên. Bên cạnh đó còn nhiều bài viết giới thiệu về câu đố của đồng bào dân tộc được các tác giả quan tâm. Tác giả Lam Giang cho rằng: “với ngôn ngữ giản dị, gần gũi, những câu đố người Tày đã góp phần thể hiện tư duy logic, sự thông minh, hóm hỉnh của đồng bào Tày. Đồng thời, phản ánh đời sống tinh thần phong phú của bà con, tạo nên nét văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc” [6]. Một bài viết của tác giả khác khi bàn về nghệ thuật đặt câu đố của người Tày, Nùng cho thấy, đó là “nhận thức đời sống, ẩn chứa giá trị giáo dục của người Tày - Nùng” [7]. Một tiếp cận khác về nghệ thuật câu đố Tày, tác giả Lương Bền đã chỉ ra “nét độc đáo của Nặc (câu đố) Tày là hình ảnh miêu tả và đối tượng đố mang đậm màu sắc vùng miền. Đó là những sự vật, khung cảnh, cách cảm, cách nghĩ... rất riêng biệt của đồng bào miền núi – điều này được quy định bởi điều kiện tự nhiên và điều kiện sinh hoạt” [8]. Những cách nhận diện trên đã được tác giả Nguyễn Thế Lượng nhận định về câu đố, “nó mang tính thực tế sinh động, có tính cộng đồng, xã hội hóa sâu sắc, vì là câu đố không phải của riêng ai, ai muốn đặt ra thành câu đố đều được” [9]. Trong diện mạo nghiên cứu chung về câu đố dân tộc thiểu số, tác giả Nguyễn Thị Kiều Tiên đã quan tâm tới câu đố của người Khmer rằng, “nhìn chung, những đặc điểm tự nhiên, cư trú, sản xuất, văn hóa..., vừa là cơ sở đồng thời cũng chi phối mạnh đến cơ chế xây dựng câu đố Khmer” [10]. Từ đó, tác giả chỉ ra cách sáng tạo câu đố, phương diện đề tài, nội dung, hình thức đố trong sinh hoạt đố của người Khmer vừa nhằm giải trí nhưng cũng là những bài học giáo dục nhân cách, triết lý sống. Điều này cho thấy, câu đố dân gian các dân tộc thiểu số (DTTS) đã và đang được người dân - đặc biệt ở những người lớn tuổi - lưu giữ, phổ biến và hiện có nhiều trí thức bản tộc tại các địa phương quan tâm tới việc sưu tầm, giới thiệu câu đố của dân tộc mình.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích đặc trưng trong phương thức đố và môi trường diễn xướng của thể loại, các phương pháp chủ yếu được chúng tôi sử dụng trong bài viết là: thống kê, phân tích, đối chiếu so sánh. Ở các trường hợp cụ thể, có sự tham gia sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành: dân tộc học, văn hóa học, xã hội học, lịch sử học...

Tư liệu trong bài viết được sử dụng chủ yếu từ các sưu tầm, biên dịch về câu đố của các tác giả Hoàng Trần Nghịch, Trần Hữu Sơn, Bùi Thiện và Nguyễn Thị Huệ, nhà xuất bản Văn hóa dân tộc. Một phần tư liệu khác được chúng tôi trích dẫn từ nguồn các bài viết đăng trên báo điện tử Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai.

3. Kết quả bàn luận

3.1. Câu đố các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc - độc đáo phương thức ra đố

Mặc dù với mục đích chính là giải trí, song đề tài phản ánh của câu đố các DTTS khá phong phú và đặc biệt với lối nhìn, cách nghĩ đặc trưng của người dân miền núi. Đề tài câu đố đề cập

tới đủ các nội dung như: đồ về thiên nhiên, vũ trụ, đồ về động thực vật, đồ về con người, đồ về đồ vật,... Thế giới vật đồ đều là những thứ quen thuộc gần gũi hàng ngày, nhưng để tạo ra câu đồ về các vật đồ, dân gian thường làm cho nó lạ hóa, bí ẩn, để có thể hấp dẫn, kích thích trí tò mò người chơi đồ và giải đồ. Do vậy, dù không nhằm đích phản ánh hiện thực, nhưng để câu tạo ra câu đồ - lời giải đồ, tác giả dân gian đã vẽ bức tranh muôn màu về cảnh quan, con người, sự vật miền núi phía Bắc bằng nhiều phương cách nghệ thuật như so sánh, liên tưởng, nhân hóa, vật hóa....

* *Độc đáo phương thức ra đồ về thiên nhiên, vũ trụ*: trong câu đồ các DTTS miền núi phía Bắc, có nhiều cặp câu đồ - giải đồ về mặt trăng, mặt trời, bầu trời, mưa, nắng,... bằng cách nhân hóa, động vật hóa, thực vật hóa. Người Tày Nùng (Bắc Kạn) đã sử dụng lối động vật hóa để ra câu đồ về mặt trời (*tha vắn*): *Khừn hưởng đông, lòng hưởng tây/Pây cảm ngoài, mà nầu nẩy* (Lên đằng đông, xuống đằng tây/Đi tới qua, về sáng nay); câu đồ về bầu trời, mặt trời, mặt trăng (*phạ, tha vắn, ăn hai*): *Lả ư nà phiêng phiêng/Sloong ăn khiêng tò tep* (Đám ruộng bằng bằng/Hai cái thót đuôi nhau); câu đồ về sấm (*phạ đặng*): *Tua lăng dú đông dăm, dấy hui mí dấy hăn* (Con gì ở rừng sâu, nghe tiếng chẳng thấy hình); về gió thổi (*vạ lôm*): *Con gì chẳng có chân, đi qua rừng ào ào (Tua lăng mí mí kha, quá phya pây xắng xắng)*; vật hóa và động vật hóa khi đồ về trời sấm (*vạ đặng*), gió (*lôm*), núi đồi (*kha phi*): *Bấu tới tó moòng/Bấu nòn đòng đắc* (Không gõ cũng kêu/Không ngủ giống say) [5, tr.946].

Cũng đồ về mặt trời (*ta vắn*), người dân Điện Biên chọn cách nhân hóa: *Ta món phắng dú sung hung tẻn đin nặm* (Mặt tròn xoe tỏa sáng khắp nơi) [5, tr.985].

Nhân hóa khi đồ về hạt mưa (*mít phôn*): *Ái kha hí long đin nhả từn lo săng* (Chàng căng dài thức giấc cỏ cây); Nhân hóa khi đồ về nước nguồn (*năm bó, năm đin*): *Con sinh trước mẹ (Lục ók kón me)*. Hoặc vật hóa khi đồ về con suối (*tèo khúi*): *Fây mây lũng mây lâu/Fây mây khau mí khát* (Lửa cháy rừng cháy lung/Không cháy nổi sợi dây) [5, tr.986].

Bằng cách nhân hóa, người Lào Cai đã ra đồ khi đồ về gió (*lâm phặc*) với các hành động (*thối, bẻ*): *Bươn chiêng lâm phặc oóc/Bươn nhĩ lâm phặc moóc liễn hoa/Bươn slam lâm phặc phja mạy tấc/ Bươn slis lâm phặc phặc đaur sluôn* (Tháng giêng thổi ra/Tháng Hai thổi sương lẫn hoa/Tháng Ba bẻ cây trên ngàn/ Tháng Tư tràn rập bờ lau) [9].

* *Độc đáo phương thức ra đồ về các loài động vật*:

Người Tày, Nùng Bắc Kạn dùng phương cách thực vật hóa động vật để ra đồ về con hổ (*tua slura*) với lối so sánh: *Án lăng tây ăn mác po ho/Khừn sluron lòng lăng mí dấy to* (Cái gì bằng quả bo (quả cây bo)/Lên nhà xuống sân không được đo). Hoặc chọn cách nhân hóa để đồ về con vắt (*tua tạc*) khi ví với hình ảnh ông già: *Lạo ké héo héo/To kéo kìn cần* (Ông già gầy gầy/Trực trên đèo ăn thịt người); đồ về con ong mật (*tung mêng thương*) biết hát: *Bân pây xướng i a/Bân mà bjoóc kàm pác* (Bay đi hát ngân nga/Bay về mồm ngâm hoa); đồ về con dúi (*tua uẩn*) điên khùng: *Bả cà lắt cà lết/Pặp nằng kha khôn nhét* (Điên điên khùng khùng/Súp ngồi lông lá); đồ về con chuồn chuồn được ví với ông cụ gầy gò: *Lạp pú nằng héo héo/Béc slí kếp pân khâm kéo* (Một ông cụ gầy gò/Vác bốn tám ván qua đèo) [5, tr.1027].

* *Độc đáo câu đồ về các loài thực vật*:

Nhân hóa cũng là cách phổ biến mà người Điện Biên dùng để đồ về cây quả, như khi đồ về cây chuối (*co cuôi*) với hình ảnh ông già [5, tr.973]: *Lạo ké sung sung/Sửa khts mí chắc phung* (Lão già cao cao/Áo rách chẳng biết vá).

Nhân hóa khi đồ về cây khoai sọ (*co phước*) với hình ảnh đàn con: *Bâu tông bâu mạy ngòa, lục pân chọe tấu tâm* (Lá như lá cây vả, hàng đàn con dưới đất).

Nhân hóa khi đồ về cây cọ: *Pỏ mẹ nừng thừa phắt thừa phe/Xá lục nừng thừa the dăm chụp* (Bố mẹ mặc áo rách/Con cái mặc áo the đen bóng).

Hoặc động vật hóa khi đồ về cây ngô, cây chuối (*co bắp, co cuôi*): *Vài túc lục oóc hăng, chạng túc lục oóc hu* (Trâu đê con bên sườn, voi đê con trên đầu).

Và vật hóa khi đồ về cây lá dong (*ko tong chính*): *Kốc to thú, pai to ví* (Gốc bằng đũa, ngọn bằng quạt).

** Độc đáo phương thức ra đố về con người:*

Vật hóa hay động - thực vật hóa cũng là phương thức làm cho khác lạ, khó đoán định để ra câu đố về con người và các bộ phận trên cơ thể con người. Người dân Điện Biên đố về đôi con mắt (*ăn tha*) đã ví nó như ánh sáng (thép) [5, tr. 987]: *Khay khay hấp hấp/Slinh quắc dú chang* (Mở mở khép khép/Sáng ánh thép ở trong).

Vật hóa khi đố về hàm răng (*càng khẻo*) được ví như đá: *Hin slé sê đâu nguôm* (Đá dăm ngâm trong hang).

Vật hóa và so sánh khi đố về lưỡi (*lịn*), được ví như hòn đá dẹt hay miếng ván:

Nura sạ lạn, tẩu sạ lạn/Khảng hin păn tùng chang

(Trên vòm dưới vòm/Hòn đá dẹt ở giữa)

Kén pén dú lủ phja/Slong mừ kéo mí mà

(Miếng ván ở trong hang đá/Hai tay kéo không được)

Vật hóa khi đố về đầu và mặt, ví như bầy lỗ chim sáo hay bầy vực sâu:

Pò phya siểm chéo/Mì chắt rừ nộc kéo/Coò thay lầy báy hủ rặng

(Núi đá nhọn có bầy lỗ chim sáo/Gò thầy lầy có bầy vực sâu)

Thực vật hóa khi đố về cánh tay (*ăn khen*), được ví với một cây năm rễ:

Co mạy hủ lác vắn sloong đlôn slác (Có hai đoạn chày/Một cây năm rễ)

Thực vật hóa khi đố về đầu tóc (*bầu phjum*) được ví như búi kiệu, búi hẹ:

Co kịu dú tưng pò/Sloong mừ dò mí tín

(Búi kiệu mọc trên đầu/Hai tay nhắc không nổi)

Pá phjắc lẹp tình pò/Sloong mừnng dò bâu tín

(Búi hẹ mọc trên đầu/Hai tay nhắc chẳng nổi)

Động vật hóa khi đố về đôi bàn chân (*soòng phả kha*), ví với hai con cá chép:

Soong tua pya này tỏ cheng pây cón

(Hai con cá chép tranh nhau đi trước)

Vật hóa khi đố về cái bóng mình (*hún ngáu*):

Lép kẹp tựa miếng da/ Cả mường chôn không nổi

(Plep tẹp to piếng nằng, tẻnh mường phăng bấu dầy)

(Sắc kóm kếm tấm khâu lánh ngái)

Nhân hóa khi đố về năm ngón tay (*hả nịu mừnng*), được ví như năm anh em: *Hả vi noọng vĩa/Mọi gần kếp ngọa dả thua*

(Có năm anh em mồ côi/Mỗi người viên ngói là nơi che đầu)

** Độc đáo phương thức ra đố về các đồ vật, sự việc:*

Câu đố về đồ vật, sự việc lại thường hay sử dụng phép nhân hóa, động vật hóa làm cho câu đố thêm sinh động. Các câu đố này xoay quanh về những đồ vật, sự vật chủ yếu chỉ có ở miền núi (đôi khi cũng có ở những vùng miền khác). Người Điện Biên có câu đố về cái gùi gỗ (*chí mạy*), một vật dụng hết sức quen thuộc: *Ăn đanh tánh ăn đằm / (Cái đỏ xỏ cái đen)*. Hoặc nhân hóa khi đố về cái gác bếp (*sá*): *Sí tin púc khừn phạ/ Nả mấn ók tấu káy* (Bốn vó chồng lên trời/Mặt mày phủ đầy râu) [5, tr.1007]. Thực vật hóa khi đố về bếp lửa nhà sàn (*chí pháy*): *Sam che si chók, ók bók tăn kang* (Bốn góc, bốn chiều nở hoa chính giữa) [5, tr.993]. Động vật hóa khi đố về bếp lửa (*chí pháy*) củi đun (*són pháy*), củi cháy thành than (*than pháy*): *Sí túng tăng kang hươn/Ngủ lưom lem ma hậu/ Sắt khâu, sắt khâu, tẩu khi sút kén đằm* (Bốn cạnh đặt giữa nhà/Rắn trần tranh nhau đến/Nhích gần nhích gần đến khi thành phân đen) [5, tr. 1015]. Động vật hóa khi đố về cái khung cửi: *Tẩu cộ tát, nura cộ tát pa chat đen phin phin* (Trên dưới đều là thác, cá chày lao vùn vụt).

Người dân Bắc Kạn đố về cối giã gạo nước (*tộc tằm khâu*) đã nhân hóa ví như là một bà già:

Dà ké tằm pọ lợ/Chin ký tỏ bấn im

(Bà già thấp lè tè/Ăn bao nhiêu cũng không no)

Động vật hóa khi đố về guồng nước (*ăn gọn nặm*), đã ví như một lũ khi:

Hạng phẩn linh khin keng/Hạng phẩu linh lỏng kéo/Tua cheng tua vãi nẻo

(Hàng lữ khi leo dốc/Hàng lữ khi leo trèo/Con theo quan qua đèo vãi đá)
Động vật hóa khi đổ về cái chõ xôi, vật dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày:
Và i dăm oóc lục khao (Trâu đen đẻ con trắng)
Người Tày Tuyên Quang đã động vật hóa khi đổ về cái kéo trong câu đố [6]:
Pác bằng pác ca/Kha bằng kha cốp/ Chắc khớp bầu vào
(Mỏ như mỏ quạ/Chân như chân ếch/ Biết cắn không biết kêu)
Hoặc nhân hóa trong câu đố về hợp chợ:
Bầu cợn tang rán rác/ Bầu riếc táng mà tom
(Chẳng ai gọi cũng đến/ Chẳng ai đánh mà tan)

3.2. Câu đố các dân tộc thiểu số và môi trường diễn xướng

Như vậy, câu đố dân gian từ bao đời nay đã được người dân các dân tộc miền núi phía Bắc nuôi dưỡng và lưu truyền. Câu đố gắn bó với đời sống cư dân, với các sự vật hiện tượng liên quan tới đời sống sinh hoạt, phong tục tập quán và môi trường lao động sản xuất hàng ngày của người dân. Như lời cụ Hà Thị Xuyên (thôn Đồng Hương, xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang) thì câu đố thường được sáng tác trong lúc lao động, tạo nên sự vui tươi, sôi nổi xua tan mệt mỏi căng thẳng. Hoặc trong lễ hội trai gái thường chia ra hai bên, khi bên nữ ra câu đố thì bên nam trả lời hoặc ngược lại [6].

Câu đố thường do một người đặt ra (bên ra đố) và một hoặc nhiều người tham gia trả lời (bên giải đố), tạo ra hai vế của câu đố là *đố* và *giải đố*. Sinh hoạt đố và giải đố có thể diễn ra ở bất kì không gian nào (trong nhà, trên nương, trên đường ra ruộng hay đi tìm măng hái củ), ở bất kì thời gian nào (sáng, trưa, chiều tối, những lúc rảnh rỗi), ở bất kì đối tượng nào (người lớn, trẻ con). Vì vậy, có thể nói câu đố không đòi hỏi sân khấu diễn xướng, nơi trò chơi câu đố diễn ra hay môi trường diễn xướng của câu đố phụ thuộc vào điều kiện sống, địa điểm lao động sản xuất hay ở nơi có những sinh hoạt cộng đồng.

Đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc thì một ngôi nhà sàn rộng rãi là địa điểm lý tưởng để ở đó diễn ra trò chơi ra đố và giải đố giữa mọi người với mọi lứa tuổi. Bài báo *Đặc sắc nghệ thuật đặt câu đố của người Tày Nùng ở Cao Bằng* của tác giả Xuân Lam cho biết “Ngày trước ở các xóm bản người Tày - Nùng vào buổi trưa, buổi tối sau một ngày làm việc mệt nhọc thường có một nhóm tụ tập ở sân một ngôi nhà sàn rộng rãi thoáng mát, nghe người già đọc câu thách đố” [7]. Đặc điểm này, cũng được đề cập trong một nghiên cứu về đồng dao và trò chơi trẻ em dân tộc thiểu số thông qua trò chơi Đố lá của trẻ em Tày, trò chơi Cỏ búng của trẻ em Mường. Đây là sinh hoạt văn hoá vui nhộn, bổ ích mà trẻ em dân tộc Tày, Mường yêu thích. Trò này linh hoạt về số người tham gia, thời gian chơi không cố định, không gian chơi ở bất cứ chỗ nào [11, tr. 65].

Ngày nay, trong sinh hoạt đời sống của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc, ở một số địa phương cho thấy loại hình câu đố vẫn đang được người dân ghi nhớ và phổ biến. Tác giả Xuân Lam đã viết “Những câu đố của người dân tộc Tày Nùng ở Cao Bằng từ xưa đến nay vẫn được nhiều người nhớ và phổ biến. Đối tượng ra đố và lời giải không kể già trẻ, gái trai đều thể hiện trí tưởng tượng phong phú, tài tình tế để giải trí thư giãn”. Trong bài *Nét độc đáo trong câu đố người Tày* của tác giả Giang Lam cũng cho biết “Cùng với làn điệu hát Then, Cọi, Phong slư thì câu đố là một trong những hình thức diễn xướng lâu đời nhất của người Tày”. Bài báo giới thiệu ông Tống Đại Hồng (phường Phan Thiết, Tp. Tuyên Quang) là nhà sưu tầm tâm huyết với văn hóa địa phương đã từng đến với những nơi có người Tày sinh sống để sưu tầm các loại câu đố [6]. Hay bài *Đặc sắc câu đố của người Tày ở Nghĩa Đô (huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai)* của tác giả Nguyễn Thế Lượng, trong đó giới thiệu nghệ nhân văn hóa Ma Thanh Sợi nhiều năm qua đã cần mẫn ghi chép các thể loại văn học dân gian của người Tày ở Nghĩa Đô mà câu đố là thể loại chiếm số lượng khá lớn. Bài báo cho hay “Những câu đố dân gian đang sống trong lòng nhân dân và đâu đó người Tày nơi đây vẫn dùng nó trong những hoàn cảnh nhất định” [9].

4. Kết luận

Như vậy, với những vấn đề được bàn luận ở trên cho thấy, nét độc đáo trong phương thức ra đố câu đố DTTS chính là sự đa dạng về chủ đề gắn với đời sống cư dân, phong tục tập quán. Bên cạnh đó, môi trường diễn xướng ra đố không hạn chế về không gian và thời gian. Với đặc điểm câu đố dân gian các DTTS có hình thức ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thuộc phản ánh tư duy mộc mạc thô sơ của người dân miền núi phía Bắc nên câu đố đã được lưu truyền, phát triển từ bao đời nay ở hầu hết các dân tộc, đó là kết quả của trí tuệ dân gian trong quá trình gắn bó với quê hương. Ngày nay do điều kiện sống thay đổi, nhiều câu đố và vật đố đã không còn tồn tại và môi trường sinh hoạt câu đố cũng hạn chế, số người nhớ và biết sử dụng câu đố ngày càng ít đi. Song đây vẫn là một kho tàng cần được khai thác và giữ gìn trong vốn văn hóa dân gian của các dân tộc miền núi phía Bắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. N. Hoang, *Thai kom kem - Thailand riddles*. National Culture Publisher, Hanoi, 1997.
- [2] H. S. Tran, *Dao ethnic riddle proverbs*. National Culture Publisher, Hanoi, 1999.
- [3] T. Bui, *Proverbs, riddles, Muong nursery rhymes*. National Culture Publisher, Hanoi, 2004.
- [4] Many authors, *Idioms, proverbs, Thai, Giay, Dao ethnics riddles*. National Culture Publisher, Hanoi, 2012.
- [5] T. H. Nguyen, *Oral literature of ethnic minorities in Vietnam – approaches*. Writers association publisher, Hanoi, 2020.
- [6] L. Giang, “Unique feature in the riddles of Tay people,” *Tuyen Quang electronic newspapers*, Friday January 18th, 2019.
- [7] L. Xuan, “Unique feature of riddle-making art of Tay Nung people in Cao Bang,” *Cao Bang electronic newspapers*, Saturday December 1st, 2018.
- [8] L. Ben, “Tay riddles art,” *Thai Nguyen Electronic Arts Newspapers*, November 30th, 2015.
- [9] T. L. Nguyen, “Unique feature of Tay people’ riddles in Nghia Do (Bao Yen, Lao Cai),” *Bien Phong electronic newspapers*, Wednesday April 12th, 2017.
- [10] T. K. T. Nguyen, “Documentation of Khmer folk riddles and some proposals on teaching Khmer folk riddles at Tra Vinh University,” *Education Magazine*, no. 493, pp. 18-21, 2021.
- [11] T. L. Leng, *Nursery rhymes and children's games of Tay, Nung, Thai, Muong and Ta Oi*. Publishing House of Art, Hanoi, 2017.